

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ:** .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ NHẬT HẠNH

2. Ngày tháng năm sinh: 09/04/1978; Nam  ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Thị trấn Thọ Xuân, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 734, đường Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ: Số nhà 734, đường Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0973333036; E-mail:hanhln@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác:

Từ tháng 3 năm 2003 đến tháng 4 năm 2014: Giảng viên, Bộ môn Quản trị kinh doanh (QTKD), Khoa Kinh tế, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015: Giảng viên, Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA), Khoa Kinh tế và QTKD, Trường Đại học Việt Đức.

Từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 8 năm 2016: Giảng viên, Bộ môn Quản trị chiến lược, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 1 năm 2020: Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Từ tháng 1 năm 2020 đến nay:

- Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu,
- Giám đốc chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh,

Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu kiêm Giám đốc chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028.38295299

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 08 năm 1999, ngành: *Kinh doanh thương mại*, chuyên ngành: *Kinh doanh thương mại*. Số bằng: B18358. Nơi cấp bằng ĐH: *Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 12 năm 2003, ngành: *Kinh tế học*; chuyên ngành: *Kinh tế Phát triển*. Số bằng: 98-056. Nơi cấp bằng ThS: *Viện Khoa học Xã hội Hà Lan, The Hague – Hà Lan và Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh*, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS tháng 05 năm 2013, ngành: *Quản trị kinh doanh*, chuyên ngành: *Marketing*. Nơi cấp bằng TS: *Đại học Trung ương Quốc gia, Đài Loan/Trung Quốc*.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Quản trị kinh doanh bền vững*: lý thuyết khoa học về kinh doanh bền vững, marketing xanh tại doanh nghiệp; chiến lược quản lý đối tác trong kênh phân phối; sự toàn cầu hóa của các kênh phân phối; quản lý kênh thương mại di động B2B; thúc đẩy sáng tạo và đổi mới, quản trị thương hiệu; cảm xúc, nhận thức, niềm tin, thái độ và hành vi của người tiêu dùng xanh; khởi sự kinh doanh xã hội.

- *Marketing kỹ thuật số và ứng dụng công nghệ*: quảng cáo trên mạng xã hội; phân phối bán lẻ đa kênh, trực tuyến; truyền miệng trực tuyến; mua sắm, thương mại trên ứng dụng di động và các nền tảng trực tuyến khác; tâm lý, cảm xúc, hành vi của khách du lịch, sự gắn kết đối với khách sạn, ứng dụng công nghệ trong quản lý marketing điểm đến; ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong các lĩnh vực dịch vụ khác như: ngân hàng, giáo dục, truyền thông của chính phủ, chính phủ điện tử.

#### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã đồng hướng hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS trong thời gian vừa qua;
- Đã hoàn thành 03 và đang thực hiện 03 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, gồm:
  - Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Bộ GD&ĐT đã nghiệm thu;
  - Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu (viết bằng tiếng Anh);
  - Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Bộ (NAFOSTED) (đang thực hiện; 2020-2022);
  - Chủ nhiệm 01 đề tài nhánh thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ GD&ĐT (Đã nghiệm thu cấp cơ sở; 2018-2020);
  - Thành viên chủ chốt 01 đề tài NCKH cấp Bộ (NAFOSTED) (đang thực hiện; 2019-2021).
- Đã công bố 62 bài báo khoa học, trong đó có 25 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín. Cụ thể hơn gồm: 15 bài báo khoa học trên tạp chí SSCI; 09 bài báo trên tạp chí SCOPUS; 01 bài trên tạp chí ESCI (thuộc ISI); 18 bài báo khoa học trên tạp chí khoa học trong nước có uy tín; 08 bài báo khoa học trên hội nghị, hội thảo quốc tế; và 09 bài báo khoa học trên hội nghị, hội thảo quốc gia.
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó cả 05 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín bao gồm: Viết một mình 01 cuốn sách tham khảo; Chủ biên 01 cuốn sách chuyên khảo; Đồng chủ biên 01 cuốn sách chuyên khảo; Đồng tác giả 02 cuốn sách chuyên khảo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Đạt danh hiệu Giảng viên xuất sắc năm học 2020-2021 (Quyết định số: 1680/QĐ-ĐHK-TNNL ngày 11/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)
- Đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm 2019 (Quyết định số: 4343/ QĐ-BGDĐT ngày 13/11/2019 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT);
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2017-2018 đến năm học 2018-2019 (Quyết định số: 4631/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2019 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT);
- Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích có bài công bố quốc tế thuộc danh mục ISI có chỉ số IF cao giai đoạn 2017-2019 (Quyết định 167/QĐ-ĐHK-TNS ngày 27/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);
- Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích giảng viên nữ có nhiều đóng góp cho hoạt động nghiên cứu khoa học giai đoạn 2017-2019 (Quyết định 167/QĐ-ĐHK-TNS ngày 27/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);
- Đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở trong các năm từ 2016 đến 2020 (các Quyết định số: 665/QĐ-ĐHK-TCHC ngày 30/03/2017; 680/QĐ-ĐHK-TCHC ngày 18/04/2018; 570/QĐ-ĐHK-TNSU ngày 01/04/2019; 667/QĐ-ĐHK-TNS ngày 02/03/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);
- Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế (Quyết định số: 2846/QĐ-ĐHK-TNSU ngày 08/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);
- Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2016-2017 (Quyết định số: 3431/QĐ-ĐHK-TCHC ngày 14/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);
- Liên tục được công nhận danh hiệu lao động tiên tiến.

16. Kỷ luật: Không

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Với 18 năm giảng dạy và nghiên cứu, trong đó có 11 năm là giảng viên tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, 1,5 năm là giảng viên thâm niên (senior lecturer) tại

Trường Đại học Việt Đức, và 6 năm là giảng viên tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi luôn tự hào được đóng góp một phần công sức của mình cho công cuộc trồng người, phát triển của nền giáo dục nước nhà. Tôi luôn nhận được sự trợ giúp tận tình của thầy cô và các đồng nghiệp đi trước; luôn cố gắng để hoàn thiện mình, tập trung vào công việc giảng dạy, nghiên cứu và học tập, trau dồi tri thức. Tôi tự đánh giá bản thân dựa trên các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

**\* Về phẩm chất, tư tưởng, đạo đức:** Tôi luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc; tuân thủ mọi nội quy, quy định của Trường, Khoa, Bộ môn nơi tôi công tác. Tôi luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; có lối sống trung thực, giản dị; có tinh thần đoàn kết nội bộ; luôn tôn trọng và hỗ trợ đồng nghiệp; tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học. Tôi không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị của một giảng viên.

**\* Về công tác giảng dạy:** Tôi đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Tôi thực hiện giảng dạy bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh về chuyên ngành Quản trị kinh doanh cho các bậc đào tạo đại học (chính quy, chương trình tiên tiến, chất lượng cao, chương trình quốc tế) và sau đại học (cao học, tiến sĩ). Tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp luận và giảng dạy để đem lại nội dung kiến thức phù hợp và tiên tiến nhất cho sinh viên/học viên/NCS các hệ; giảng dạy theo đúng mục tiêu, đề cương được phê duyệt. Tôi luôn tận tâm hướng dẫn các sinh viên, học viên và NCS làm tốt công việc học tập và nghiên cứu. Cụ thể, hiện nay các công việc giảng dạy của tôi như sau:

- Với bậc đại học: Tôi giảng dạy các môn học cốt lõi của chuyên ngành Quản trị kinh doanh (gồm Quản trị học, Hành vi người tiêu dùng) bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh cho Khoa Quản trị, cho chương trình Cử nhân tài năng của Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Tôi cũng giảng môn Consumer Behavior/Hành vi người tiêu dùng; Brand Management/Quản trị thương hiệu cho Chương trình Cử nhân Quản trị kinh doanh Western Sydney WSU-BBUS liên kết giữa Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Western Sydney, Úc;

- Với bậc cao học: Tôi giảng các môn học bắt buộc và tự chọn như: Quản trị Marketing, Quản trị sáng tạo và đổi mới, Chuyên đề nghiên cứu chuyên ngành QTKD, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Phương pháp định lượng dành cho quản trị và quản lý,
- Với bậc tiến sĩ: Tôi giảng môn Định lượng trong kinh doanh và quản lý.
- Với các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn: Tôi đã thực hiện một số chuyên đề ngắn hạn về phương pháp nghiên cứu, về viết bài báo và xuất bản quốc tế cho một số cơ sở giáo dục trong nước.

\* **Về nghiên cứu khoa học**: Xác định nghề giảng viên là giảng dạy và nghiên cứu khoa học song hành, tôi luôn chú trọng và dành nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học và biên soạn sách; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ KH&CN được Trường, Khoa, Bộ môn giao phó; chủ động tìm tòi, nghiên cứu các hướng mới. Tôi tích cực chủ trì và kết hợp với các đồng nghiệp; khuyến khích, hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thực hiện đề tài NCKH để tham gia hội thảo, hội nghị và hướng tới công bố trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước. Trong tổng số 62 bài báo khoa học đã được liệt kê chi tiết (Mục B.\_7.1.a.), tôi là tác giả đầu/tác giả liên hệ của 08 trong tổng số 15 bài báo đăng trên tạp chí ISI uy tín (SSCI) và 04 trong tổng số 09 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (SCOPUS). Một số tạp chí thuộc danh mục SSCI mà tôi và cộng sự có bài báo xuất bản được xếp hạng cao như: Journal of the Academy Marketing Science (IF 2020: 9.418), Journal of International Marketing (IF 2020: 8.125), Current Issue in Tourism (IF 2020: 7.430), International Journal of Advertising (IF 2018: 4.620), Journal of Consumer Behaviour (IF 2020: 3.280), Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics (IF 2020: 3.979).

Nhờ hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, tôi đã vinh dự nhận được một số danh hiệu, bằng khen và giấy khen từ Bộ GD&ĐT cũng như Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

\* **Về kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ**: Tôi luôn chú trọng bồi dưỡng, trau dồi kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm, cập nhật kiến thức thực tiễn và phương pháp giảng dạy hiện đại để nâng cao chất lượng giảng dạy. Bên cạnh đó, tôi cũng luôn chú trọng học hỏi và cập nhật các phương pháp nghiên cứu, tìm kiếm những chủ đề và các hướng nghiên cứu mới để kết hợp với đồng nghiệp cũng như hướng dẫn người học thực hiện các công trình NCKH, xuất bản sách và bài báo khoa học. Để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức với các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế, tôi đã và đang tham gia

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

cũng như là thành viên hội đồng khoa học cho một số hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế; làm phản biện cho các tạp chí thuộc danh mục SSCI/SCOPUS như: International Journal of Information Management; Journal of Retailing and Consumer Services; International Journal of Consumer Studies; Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics; Asian Journal of Technology Innovation, Australasian Marketing Journal cũng như tạp chí khoa học trong nước như: Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) cả bản tiếng Anh và tiếng Việt.

\* **Về sức khỏe:** Tôi có sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp của một giảng viên.

Với các nhận định trên, tôi nhận thấy mình có đủ các tiêu chuẩn và luôn hoàn thành nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định hiện hành.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 18 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đang hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	0	0	1	5	225	90	315/518/270
2	2016-2017	0	1	3	10	180	90	270/515/216
3	2017-2018	0	1	3	10	150	180	330/656/216
3 năm học cuối								
4	2018-2019	1	2	3	10	120	165	285/658/216
5	2019-2020	1	2	3	10	60	195	255/613/216
6	2020-2021	1	2	3	10	0	270	270/606/216

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học TS  (Học hoàn toàn bằng tiếng Anh); Tại nước: Đài Loan/Trung Quốc; Từ năm 2008 đến năm 2013.

- Bảo vệ luận án TS ; Tại nước: Đài Loan/Trung Quốc; Năm 2013.

b) Được đào tạo bằng ngoại ngữ trong nước:

- Học Thạc sĩ  (Chương trình cao học Việt Nam-Hà Lan; học hoàn toàn bằng tiếng Anh); Tại nước: Việt Nam; Từ năm 2001 đến năm 2003.

- Bảo vệ luận văn ThS ; Tại nước: Việt Nam; Năm 2003.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh tại Trường Đại học Việt Đức từ tháng 4/2014 đến tháng 7/2015 (Giảng viên toàn thời gian (Full-time Senior Lecturer)).

- Tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi giảng dạy bằng tiếng Anh cho các chương trình:

\* Chương trình Cử nhân tài năng, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

\* Chương trình Cử nhân Quản trị kinh doanh của Đại học Western Sydney, Úc liên kết với Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

\* Hướng dẫn một số học viên cao học, NCS ngành Quản trị kinh doanh viết luận văn, luận án bằng tiếng Anh.

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Hữu Khôi	√			√	2017-2020	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	07/01/2021 (50/QĐ QĐ-ĐHKT-ĐTSDH)
2	Lý Uyên Thanh		√	√		2018-2019	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	01/08/2019 (1743/QĐ-ĐHKT-VSDH)



TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
3	Nguyễn Lê Xuân Doanh		√	√		2019-2020	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	6/04/2020 (837/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH)
4	Lê Thị Hạnh Dung		√	√		2019-2020	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	6/04/2020 (837/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH)

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, TK)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận sử dụng của cơ sở GDĐH
<b>A. Giai đoạn trước khi được cấp bằng Tiến sĩ</b>							
1	Cạnh tranh trong tuyển chọn nhân lực	CK	NXB Thông tin và Truyền thông; 2011	13		Đồng tác giả, Biên soạn từ trang 184-227 (Chương 4, Mục 4.2); và trang 255-261 (Chương 5, Mục 5.3)	Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện CTQG HCM
<b>B. Giai đoạn sau khi được cấp bằng Tiến sĩ</b>							
2	Nghiên cứu định lượng với mô hình phương trình cấu trúc theo hướng tiếp cận bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM)	TK	NXB Kinh tế TP.HCM; 2019	01	Chủ biên	Một mình	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM và Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
3	Marketing xanh: Lý luận và thực tiễn	CK	NXB Kinh tế TP.HCM; 2019	02	Chủ biên	Chủ biên, biên soạn từ Chương 2 đến Chương 4 (trang 31-176), từ Chương 6 đến Chương 7 (trang 199-258)	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM và Trường ĐH Kinh tế quốc dân

TT	Tên sách	Loại sách (CK, TK)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH
4	Tài sản thương hiệu định hướng khách hàng của ngân hàng thương mại: Các thành tố lý thuyết và thực tiễn ứng dụng tại Việt Nam	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; 2019	09	Chủ biên	Đồng chủ biên, biên soạn từ trang 21-50, Chương 1; từ trang 178-212 Chương 2; và các phụ lục từ trang 266-268	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM và Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
5	Phân phối bình đẳng các nguồn lực kinh tế: tiếp cận lý luận và thực tiễn ở một số quốc gia	CK	Nhà Xuất Bản Chính trị Quốc gia; 2014	11		Đồng tác giả, Biên soạn từ trang 52-86 (Chương 2, Mục I); và trang 205-217 (Chương 4, Mục III)	Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện CTQG HCM

*Ghi chú:* Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn;

**Trong đó:** 03 cuốn số [2], [3], và [4 ] là sách chuyên khảo do NXB uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau TS.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK/TV	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>Các công trình đã nghiệm thu sau khi được cấp bằng Tiến sĩ</b>					
1.	Nghiên cứu trạng thái cảm xúc tiêu cực và tác động đến hành vi sau mua của khách du lịch ở Việt Nam	CN	<b>B2017-KSA-16,</b> Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	24 tháng	24/4/2019, <b>Xếp loại: Xuất sắc</b>
2	Brand engagement in tourism context: direct, indirect and moderating factors	CN	<b>CS-2018-39,</b> Cấp Cơ sở, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	12 tháng	09/09/2020 <b>Xếp loại: Đạt</b>
3.	Idiosyncratic coping strategies of consumers feeling regret, anger and frustration after service failure: An evidence from the restaurant industry	CN	<b>CS-2017-27,</b> Cấp cơ sở, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	12 tháng	08/8/2018, <b>Xếp loại: Đạt</b>

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK/TV	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
4.	Nghiên cứu tài sản thương hiệu định hướng khách hàng cho các ngân hàng thương mại Việt Nam	TV	<b>B2015.06.28,</b> Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	24 tháng	05/02/2018, <b>Xếp loại: Xuất sắc</b>
5.	Nhánh 6: “Nguy cơ (nguyên nhân) ảnh hưởng đến an ninh tài chính – tiền tệ Việt Nam giai đoạn 2006-2013” và các năm tiếp theo	TV	Nhánh 6 thuộc <b>Đề tài cấp Nhà nước KX 01.15/11-15</b> “An ninh Tài chính – Tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”	15 tháng	24/4/2015, <b>Xếp loại: Tốt</b>
6.	Tương quan nhà nước và thị trường trong vận hành nền kinh tế theo quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới: Giá trị khoa học và những điều chỉnh mới trong bối cảnh những thập niên đầu thế kỷ XXI	TV	<b>III.2-2011.8,</b> <b>NAFOSTED,</b> Bộ KH&CN	24 tháng	01/11/2014, <b>Xếp loại: Tốt</b>

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TV: Thành viên.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
<b>I. Trước khi được cấp bằng Tiến sĩ</b>								
<b>I.1 Tạp chí thuộc danh mục ISI uy tín (SSCI)</b>								
1.	Brand extension: Using parent brand personality as leverage	4	Tác giả đầu, liên hệ	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics	SSCI, JIF 2020: 3.979	26	24(4), 599-618	2012
2.	Mobility value of internet services in a wireless city: The case of Taipei, Taiwan	4	Tác giả đầu, liên hệ	Asian Journal of Technology Innovation	SSCI, IF 2020: 1.314	1	20(1), 51-65	2012

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
3.	The glocalisation of channels of distribution: A case study	4		Management Decision	SSCI, IF 2020: 4.957	22	50(3), 521-538	2012
4.	Social media usage and work values: The example of facebook in Taiwan	4		Social Behavior and Personality	SSCI, IF 2020: 0.976	32	40(2), 195-200	2012
<b>I.2. Tạp chí quốc tế khác</b>								
5.	Exploring the factors favoring mCommerce adoption among Indian MSMEs: A TOE perspective	4		Tunghai Management Review		9	13(1), 147-188	2011
<b>II. Sau khi được cấp bằng Tiến sĩ</b>								
<b>II.1. Tạp chí thuộc danh mục ISI uy tín (SSCI)</b>								
6.	A moderated mediating mechanism of omnichannel customer experiences	2	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	International Journal of Retail & Distribution Management	SSCI, IF 2020: 3.771	3	49(5) 595-615	2021
7.	Customer inspiration in a tourism context: an investigation of driving and moderating factors	3	Tác giả liên hệ	Current Issues in Tourism	SSCI, IF 2020: 7.430	5	23(21) 2699-2715	2020
8.	Heterogeneity in a dual personal values-dual purchase consequences-green consumption commitment framework	4	Tác giả đầu, liên hệ	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics	SSCI, IF 2020: 3.979	8	31(2), 480-498	2019
9.	Forces affecting perception of product comments on social-WoM: An interactive, relational communication perspective	5	Tác giả đầu, liên hệ	Journal of Consumer Behaviour	SSCI, IF 2020: 3.280	5	17(4), 393-406	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
10.	Corporate rebranding and brand preference: Brand name attitude and product expertise as moderators	4	Tác giả đầu, liên hệ	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics	SSCI, IF 2020: 3.979	14	26(4), 602-620	2014
11.	Tourist inspiration and its consequences: The moderating role of neuroticism	3	Tác giả liên hệ	International Journal of Tourism Research	SSCI, IF 2020: 3.791		Đã được xuất bản online	2021
12.	A meta-analytic review of influence strategies in marketing channel relationships	3		Journal of the Academy of Marketing Science	SSCI, IF 2020: 9.418	21	46(4), 674-702	2018
13.	Behavioral implications of international social media advertising-an investigation of intervening and contingency factors	4		Journal of International Marketing	SSCI, IF 2020: 8.125	33	26(2), 43-61	2018
14.	Social media advertising value: The case of transitional economies in Southeast Asia	4		International Journal of Advertising	SSCI, IF 2020: 4.620	192	33(2), 271-294	2014
15.	Linking self-congruity, perceived quality, and satisfaction to brand loyalty in a tourism destination: the moderating role of visit frequency	4		Tourism Review	SSCI, IF 2020: 5.947		Đã được xuất bản online	2021
16.	Patterns of forming entrepreneurial intention: Evidence in Vietnam	4		Entrepreneurship Research Journal	SSCI, IF 2020: 1.943		Đã được xuất	2021

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
							bản online	
<b>II.2. Tạp chí thuộc danh mục ISI (ESCI)</b>								
17.	Promoting creativity and innovation: Expected and unexpected consequences	2		Asia Pacific Journal of Innovation and Entrepreneurship	Nhà xuất bản Emerald, ESCI	6	13(3), 296-310	2019
<b>II.3. Tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục SCOPUS</b>								
18.	Receptivity of governmental communication and its effectiveness during COVID-19 pandemic emergency in Vietnam: A qualitative study	5	Tác giả liên hệ	Global Journal of Flexible Systems Management	Scopus Q1, H: 31	2	22(2), 45-64	2021
19.	The behavioral consequences of regret, anger and frustration in service settings	2	Tác giả đầu	Journal of Global Marketing	Scopus Q2 H: 33	5	33(2), 84-102	2020
20.	Attitudinal ambivalence towards green products: An empirical study in an emerging market	4	Tác giả đầu, liên hệ	International Journal of Economics and Business Research	Scopus Q3, H index: 7	3	18(3), 292-303	2019
21.	The exercise of power sources in distribution channels: A synthesis study	3	Tác giả đầu, liên hệ	Journal of Empirical Generalisations in Marketing Science	Scopus Q4, H index: 11	1	18(1), 1-11	2018
22.	A systematic literature review on social entrepreneurial intention	3		Journal of Social Entrepreneurship	ESCI, Scopus Q2, H index: 25	16	11(3) 241-256	2019
23.	The impact of social media on consumer behavior: The case of	2		International Journal of Information and	Scopus Q4, H index: 22		29(3), 323-344	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	consumer-generated content on YouTube			Management Science				
24.	A co-citation and co-word analysis of social entrepreneurship research	4		Journal of Social Entrepreneurship	ESCI, Scopus Q2, H index:25	3	Đã xuất bản online	2020
25.	Investigating the relationship between benevolent leadership and academic staff's organizational citizenship behaviour: the mediating role of leader-member exchange	2		Management in Education	Scopus Q2, H index: 17	1	Đã xuất bản online	2020
26.	Human resource management practices in higher education: A literature review using co-word analysis	4		International Journal of Management in Education	Scopus Q2, H index: 11		Đã xuất bản online	2021
<b>II.4. Tạp chí quốc tế khác</b>								
27.	Factors affecting mobile shopping: a Vietnamese perspective	3		Journal of Asian Business and Economic Studies	Nhà xuất bản Emerald	17	25(2), 186-205	2018
<b>II.5 Tạp chí trong nước</b>								
28.	Mối quan hệ giữa phong cách lãnh đạo phục vụ và sự đổi mới của nhóm: Trường hợp nghiên cứu ngành sản xuất nông lâm thủy sản xuất khẩu	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển	1859-0012		285, 102-110	2021

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
29.	Mối quan hệ giữa trải nghiệm, sự cam kết và gắn kết thương hiệu: Vai trò trung gian và điều tiết của tham gia thương hiệu	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển	1859-0012		Số 227 (63-72)	2020
30.	Vai trò của thực tế ảo trong quảng cáo du lịch: Một cách tiếp cận từ mô hình SOR	3		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	2615-9104		Số 31(1) 48-74	2020
31.	Cảm xúc tiêu cực của du khách nước ngoài khi đến Việt Nam: nguyên nhân và hậu quả về mặt hành vi	1	Một mình	Tạp chí Kinh tế & Phát triển	1859-0012		264, 66-76	2019
32.	Chiến lược marketing bền vững cho các doanh nghiệp: Mô hình khái niệm dựa trên lý thuyết nguồn lực và lý thuyết các bên liên quan	1	Một mình	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Viện Kinh tế Việt Nam	0866-7489		5 (492), 46-55	2019
33.	Ý định quay trở lại của du khách quốc tế sau khi đến Việt Nam: Vai trò của nguồn lực điểm đến và giá trị cảm nhận	2	Tác giả đầu	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	2615-9104		30(7), 66-88	2019
34.	Hành vi công dân tổ chức của giảng viên đại học ở Việt Nam: Vai trò của phong cách lãnh đạo chuyển dạng, cam kết về khía cạnh cảm xúc và sự vượt qua cái tôi	3	Tác giả đầu	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	2615-9104		30(12)	2019
35.	Động cơ và kết quả của hành vi mua sắm trên mạng xã hội trực tuyến tại Việt Nam	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển	1859-0012		261, 40-49	2019



TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
36.	Mở rộng lý thuyết hành vi dự định để giải thích ý định sử dụng thương mại di động tại Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển	1859-0012		247, 81-90	2018
37.	Giá trị cảm nhận, chất lượng mối quan hệ và động cơ truyền miệng của du khách	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển	1859-0012		258, 63-73	2018
38.	Nghiên cứu về cảm xúc tiêu cực và hành vi đối phó của khách hàng: Trường hợp ngành kinh doanh dịch vụ nhà hàng	2	Tác giả đầu	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	2615-9104		29(1), 21-37	2018
39.	Vai trò của quy chuẩn trong việc giải thích hành vi tham gia mua sắm xã hội trực tuyến	3	Tác giả đầu	Tạp chí Kinh tế & Phát triển	1859-0012		252, 47-56	2018
40.	Mua sắm xã hội trực tuyến: Vai trò của động cơ xã hội	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển	1859-0012		245, 58-67	2017
41.	Mối quan hệ giữa cảm xúc với điểm đến và chất lượng quan hệ trong kinh doanh du lịch: Trường hợp du khách nội địa ở TP. Hồ Chí Minh	2	Tác giả đầu	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	2615-9104		28(12), 22-40	2017
42.	Affective and instrumental commitment: A special reference to self-service technologies in domestic and foreign banks	2		Journal of Economic Development	1859-1116		23(2), 137-160	2016
43.	Hành vi truyền miệng của du khách: Vai trò của chất lượng dịch	2		Tạp chí Khoa học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	0866-7969		7(01), 80-91	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	vụ, tình cảm và hài lòng							
44.	Động cơ xã hội trong hoạt động mua sắm xã hội trực tuyến	3		Chuyên san Kinh tế - Luật và Quản lý	2588-1051		5(1), 32-42	2017
45.	Mối quan hệ giữa đánh giá mang tính ác cảm, cảm xúc tiêu cực và hành vi tẩy chay hàng hóa xuất xứ Trung Quốc	3		Tạp chí Khoa học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	0866-7969		5(04), 71-86	2017

III.	Hội nghị quốc tế và quốc gia	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm/ Địa điểm, thời gian
<b>III.1</b>	<b>Hội nghị quốc tế</b>						
46.	Mapping The Conceptual Structure of Research on Sustainable Marketing Management: A Co-Word Analysis	2	Sustainable Development: Orchestrating Business to Respond to Society's Latest Challenges	Institut Teknologi Bandung, Indonesia	The 5th International Conference on Management in Emerging Markets (ICMEM) (ISBN: 978-623-92201-1-2)	336-340	2020, Indonesia, 03-05/08/2020
47.	Value co-creation experiences and customer satisfaction in e-retailing sectors: the mediating role of participation behaviors	3	Digital Transformation Opportunities & Challenges	University of Teknologi Malaysia	e-Proceedings of 2nd Connect-Us Conference (eISBI: 978-967-16755-2-6)	86-89	2020/ Malaysia 9-10/ 10/2019

<b>III.</b>	<b>Hội nghị quốc tế và quốc gia</b>	<b>Số tác giả</b>	<b>Chủ đề hội thảo</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Loại hội thảo/Số ISBN</b>	<b>Số trang</b>	<b>Năm/ Địa điểm, thời gian</b>
48.	A bibliometric analysis of human resource management in higher education research	3	Digital Transformation Opportunities & Challenges	University of Teknologi Malaysia	e-Proceedings of 2nd Connect-Us Conference (eISBI: 978-967-16755-2-6)	3-6	2020/ Malaysia, 9-10/ 10/2019
49.	Dual personal culture values, dual attitudes towards purchase consequences, and green consumption commitment: Evidence from Vietnam	4	Marketing at the Confluence between Entertainment and Analytics. Developments in Marketing Science	Springer	Proceedings of the 2016 Academy of Marketing Science (AMS) World Marketing Congress (Print ISBN 978-3-319-47330-7; online ISBN: 978-3-319-47331-4)	1253-1259	2016/ France, 19-23/ 7/2016
50.	Customers' affective and instrumental commitment: A special reference to self-Service technologies in domestic versus foreign banks	4	Creating Innovation in Business Transformation	RED publishing partner	APMBA International Conference on Management and Business Sciences (ISBN: 978-603-7677-64-7)	73-81	2014/ Indonesia, 11-12/ 12/2014
51.	Determinants of operational self-sustainability of microfinance institutions in Vietnam	4	Accounting, Auditing, and Finance in the Digital Age	National Economics University Publishing House	The International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ISBN: 978-604-946-498-0, Publishing register No. 4307-2018/CXBIPH/02-533/ĐHKQTĐ)	666-680	2018/ Hanoi, 23/11/ 2018
52.	Ambivalent attitude towards green products:	2	Policies and Sustainable	UEH Publishing House	In ICUEH 2017 International Conference of University of	319-341	2017/ HCM City, 28/9/

<b>III.</b>	<b>Hội nghị quốc tế và quốc gia</b>	<b>Số tác giả</b>	<b>Chủ đề hội thảo</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Loại hội thảo/Số ISBN</b>	<b>Số trang</b>	<b>Năm/ Địa điểm, thời gian</b>
	Evidence from Vietnam		Economic Development		Economics Ho Chi Minh City (ISBN: 978-604-922-568-0. Publishing registration No. 2999-2017/ CXBIPH/01-20/KTTPHCM)		2017
53.	Entrepreneurial enablers, risk perception, motivational factors and behavioral intention: Evidence from Vietnam	4	Policies and Sustainable Economic Development	UEH Publishing House	In ICUEH 2017 International Conference of University of Economics Ho Chi Minh City (ISBN: 978-604-922-568-0. Publishing registration No. 2999-2017/ CXBIPH/01-20/KTTPHCM)	119-136	2017/ HCM City, 28/9/ 2017
<b>III.2</b>	<b>Hội nghị quốc gia</b>						
54.	Quản trị nguồn nhân lực trong các trường đại học: Phân tích thư mục và hướng nghiên cứu triển khai	9	Quản trị Đại học khối công lập theo mô hình doanh nghiệp tại Việt Nam	Nhà xuất bản Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Hội thảo Khoa học Quốc gia (ISBN:978-604-922-964-0; Số ĐKXB: 1857-2021/CXBIPH/01-20/KTTPHCM)	49-65	2021/TPH CM, 12/6/2020
55.	Chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam: Cơ hội và Thách thức	2	Quá trình chuyển đổi số của nền kinh tế Việt Nam: Công nghệ, thị trường và chính sách	Nhà xuất bản Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Hội thảo Khoa học Quốc gia (ISBN: 978-604-992-910-7; số ĐKXB: 4613-2020/CXBIPH/1-45/KTTPHCM)	331-350	2020/TPH CM

III.	Hội nghị quốc tế và quốc gia	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm/ Địa điểm, thời gian
56.	Chính phủ quản lý điện tử đối với doanh nghiệp ở Việt Nam: Mô hình lý thuyết, thực trạng và giải pháp	2	Nền kinh tế số trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông	Hội thảo Khoa học Quốc gia, Đại học kinh tế TP HCM (Mã ISBN: 978-604-80-3565-5; Số ĐKXB: 4487 – 2018/CXBIPH/2 – 206/TTTT)	3-16	2018/ TP. HCM, 3/12/ 2018
57.	Tác động của Fintech tới nghiệp vụ và quản trị ngân hàng tại Việt Nam	4	Cách mạng Công nghiệp 4.0 và những đổi mới trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân	Hội thảo Khoa học Quốc gia (Mã số ISBN: 978-604-946-449-2, Mã số ĐKXB: 1748-2018/CXBIPH/1-255/ĐHKQTQD)	20-35	6/2018/ Hà Nội, 12/6/ 2018
58.	Khoa học – Công nghệ - Đổi mới và phát triển kinh tế: Kinh nghiệm và một số bài học cho Việt Nam	2	Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (STI)	Nhà xuất bản Kinh tế TP HCM	Hội thảo Khoa học Quốc gia (ISBN: 978-604-922-616-8, Số ĐKXB: 150-2018/CXBIPH/03-01/KTTPHCM)	233-260	2017/ TP. HCM, 12/2017
59.	Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến đời sống xã hội và dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực	3	Nhu cầu nhân lực cho phát triển trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và những đáp ứng của giáo dục đại học Việt Nam	Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (ISBN – 978-604-922-677-9)	181-189	2018/ TP. HCM 23/11/ 2018
60.	Nghiên cứu mối quan hệ giữa các nhân tố thúc đẩy khởi nghiệp, nhận thức rủi ro, và hành vi có chủ	3	Khởi nghiệp tại Việt Nam: Cơ hội và Thách thức trong thời kỳ hội nhập	Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (ISBN: 978-604-922-383-9, Số quyết định ĐKXB: 2821-	164-178	2016/ TP. HCM, 17/6/ 2016

III.	Hội nghị quốc tế và quốc gia	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm/ Địa điểm, thời gian
	định đề trở thành nghiệp chủ				2016/CXBIPH/03-26/KTTPHCM)		
61.	Mối quan hệ giữa ác cảm và hành vi tẩy chay hàng hóa xuất xứ Trung Quốc	3	Hội thảo khoa học Doanh nghiệp Việt Nam trong TPP (ICYREB2016)	Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM	Hội thảo Khoa Học (ISBN: 978-604-922-422-5, Số quyết định ĐKXB: 3859-2016/CXBIPH/03-35/KTTPHCM)	1191-1204	2016/ TP. HCM, 16/11/ 2016
62.	Truyền thông xã hội và hành vi người tiêu dùng trong lĩnh vực du lịch	4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch: Xu hướng và giải pháp đón đầu trước hội nhập ngành du lịch Việt Nam	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM	Hội thảo Khoa Học (ISBN: 978-604-922-510-9, Số quyết định ĐKXB: 1603-2017/CXBIPH/01-11/KTTPHCM)	31-46	2017/ TP. HCM, 26/5/ 2017

- **Trong đó:** 10 bài báo, các số thứ tự [6, 7, 8, 9, 10, 11, 18, 19, 20, 21] đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín SSCI/SCOPUS mà UV là tác giả đầu/tác giả liên hệ sau khi được cấp bằng TS.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

...							
-----	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Ban rà soát chương trình tiên tiến Trường Đại học Kinh tế TP HCM trình độ thạc sĩ thuộc các Khoa Quản trị, Kinh doanh Quốc tế,	Tham gia	Số 1662/QĐ-ĐHKT-TCHC ngày 03/07/2017	Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Biên bản họp Ban rà soát đề thống nhất việc bổ sung chương trình đào tạo thạc sĩ theo hướng liên ngành ngày 25/08/2017	

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
2	Tổ soạn thảo chương trình đào tạo chất lượng cao (bằng tiếng Anh) chuyên ngành Quản trị, trình độ đại học, hệ chính quy Trường Đại học Kinh tế TP HCM	Thành viên	Số 2512/QĐ-ĐHK-T-ĐBCL ngày 30/7/2018	Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Biên bản Hội đồng khoa học Quản trị ngày 21/11/2018	
3	Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ “Nghiên cứu mô hình quản trị trường đại học công lập theo cơ chế tự chủ hoàn toàn”  Mã số: CT-2018-05-04	Chủ nhiệm đề tài Nhóm “Nghiên cứu các giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong các trường đại học Việt Nam theo mô hình quản trị doanh nghiệp	Số 3578/QĐ-BGDĐT ngày 08/10/2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đang thực hiện (Đã nghiệm thu cấp cơ sở)	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:  
**Ứng viên không đề xuất CTKH thay thế.**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....



c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2021

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**TS. Lê Nhật Hạnh**